

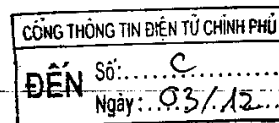
BỘ Y TẾ - BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/2014/TTLT-BYT-BTC

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2014



THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế

Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Nghị định số 96/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch quy định mức tối đa khung giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định mức tối đa khung giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại các cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế của Nhà nước (sau đây gọi tắt là cơ sở điều trị của Nhà nước); hướng dẫn thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh khác tại các cơ sở điều trị của Nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, cung ứng và sử dụng dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại cơ sở điều trị của Nhà nước.

Điều 2. Khung giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế và dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh khác tại cơ sở điều trị của Nhà nước

1. Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này mức tối đa khung giá của 07 dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trong các cơ sở điều trị của Nhà nước, bao gồm:

- a) Dịch vụ khám ban đầu;
- b) Dịch vụ khám khởi liều điều trị;
- c) Dịch vụ khám định kỳ;
- d) Dịch vụ cấp phát thuốc tại cơ sở điều trị thay thế;
- đ) Dịch vụ cấp phát thuốc tại cơ sở cấp phát thuốc điều trị thay thế;
- e) Dịch vụ tư vấn cá nhân;
- g) Dịch vụ tư vấn nhóm.

2. Mức tối đa khung giá của 07 dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các yếu tố chi phí theo quy định tại Thông tư số 35/2014/TT-BYT ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

Khi quy định mức giá cụ thể tại các cơ sở điều trị không được tính các khoản chi phí đã được ngân sách nhà nước đảm bảo.

3. Khung giá các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh khác ngoài 07 dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh chữa bệnh của Nhà nước.

Điều 3. Thẩm quyền quy định mức giá cụ thể của dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế và dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh khác tại cơ sở điều trị của Nhà nước

Thẩm quyền quy định mức giá cụ thể dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế và dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh khác tại cơ sở điều trị của Nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về thẩm quyền quy định mức giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước.

Điều 4. Quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế

1. Khoản thu từ dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế quy định tại Điều 2 Thông tư liên tịch này được để lại toàn bộ cho đơn vị sử dụng.

2. Việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

Điều 5. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong văn bản này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh bằng văn bản về liên Bộ để xem xét giải quyết ./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

THỦ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Long

Nơi nhận :

- Thủ tướng Chính phủ; các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Công báo;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công TTĐT các Bộ: Y tế, Tài chính;
- Sở Y tế, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Thanh tra, các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Tài chính;
- Lưu: Bộ Y tế (VT, AIDS, Vụ PC); Bộ Tài chính (VT, Cục QLG).

BỘ Y TẾ - BỘ TÀI CHÍNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



MỨC TỐI ĐA KHUNG GIÁ 07 DỊCH VỤ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN
CÁC CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN BẰNG THUỐC THAY THẾ
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 38 /2014/TTLT-BYT-BTC
ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên Dịch vụ	Đơn vị tính	Mức tối đa khung giá	Ghi chú
I	Khám (không bao gồm xét nghiệm và thuốc)			
01	Khám ban đầu	đồng/lần khám/người	48.000	Tối đa không quá 1 lần/người/quá trình điều trị
02	Khám khởi liệu điều trị	đồng/lần khám/người	25.000	Tối đa không quá 1 lần/người /quá trình điều trị
03	Khám định kỳ	đồng/lần khám/người	20.000	01 lần/01 tháng hoặc khám theo yêu cầu
II	Cấp phát thuốc (không bao gồm thuốc)			
04	Tại cơ sở điều trị thay thế	đồng/lần/người/ngày	10.000	
05	Tại cơ sở cấp phát thuốc điều trị thay thế	đồng/lần/người/ngày	10.000	
III	Tư vấn (không bao gồm thuốc và xét nghiệm)			
06	Tư vấn cá nhân	đồng/lần/người/	10.000	Năm đầu điều trị (Không quá 14 lần/năm). Từ năm điều trị thứ hai (Không quá 4 lần/năm) Tư vấn khác theo yêu cầu của bệnh nhân
07	Tư vấn nhóm	đồng/lần/người/	5.000	Năm đầu điều trị (Không quá 6 lần/năm) Từ năm điều trị thứ hai (Không quá 4 lần/năm)